

**MỤC LỤC**

<b>CHƯƠNG I</b> .....	2
<b>QUY ĐỊNH CHUNG</b> .....	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.....	2
Điều 2. Giải thích từ ngữ.....	3
Điều 3. Cơ cấu tổ chức của HĐQT .....	4
Điều 4. Quy định về kế thừa, tuyển chọn, đề cử, ứng cử, bầu thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT .....	5
Điều 5. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT .....	7
<b>CHƯƠNG II</b> .....	8
<b>NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	8
Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT .....	8
<b>CHƯƠNG III</b> .....	11
<b>TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN BẦU, BỔ NHIỆM, BÃI NHIỆM</b> .....	11
<b>THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	11
Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Thành viên HĐQT .....	11
Điều 8. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Thành viên độc lập HĐQT .....	11
Điều 9. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ .....	12
Điều 10. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ.....	13
Điều 11. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT .....	13
Điều 12. Thay thế và bổ sung thành viên HĐQT.....	13
Điều 13. Quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT .....	14
Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Chủ tịch HĐQT .....	15
Điều 15. Quyền và Nghĩa vụ của Thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT .....	15
<b>CHƯƠNG IV</b> .....	17
<b>CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	17
<b>VÀ LẤY Ý KIẾN THÀNH VIÊN HĐQT BẰNG VĂN BẢN</b> .....	17
Điều 16. Quy định về cuộc họp đầu tiên của HĐQT .....	17
Điều 17. Quy định về họp và các hình thức họp của HĐQT .....	17
Điều 18. Địa điểm họp .....	17
Điều 19. Thông báo, Chương trình và tài liệu họp HĐQT .....	17
Điều 20. Điều kiện tiến hành cuộc họp HĐQT .....	18
Điều 21. Biểu quyết và thông qua chương trình tại cuộc họp HĐQT .....	18
Điều 22. Công khai lợi ích có liên quan.....	19
Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản...20	
Điều 24. Biên bản họp HĐQT .....	22



Điều 25. Thành phần dự họp HĐQT.....	23
Điều 26. Cuộc họp HĐQT theo các hình thức trực tuyến.....	23
Điều 27. Hiệu lực của các quyết định, nghị quyết của HĐQT.....	23
<b>CHƯƠNG V.....</b>	<b>23</b>
<b>MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>	<b>23</b>
Điều 28. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng Quản trị .....	23
Điều 29. Mối quan hệ với Ban Tổng Giám đốc.....	24
Điều 30. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát.....	24
<b>CHƯƠNG VI .....</b>	<b>24</b>
<b>CÁC QUY ĐỊNH KHÁC .....</b>	<b>24</b>
Điều 31. Bộ phận giúp việc của HĐQT .....	24
Điều 32. Trình báo cáo hằng năm .....	24
Điều 33. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị .....	25
Điều 34. Chế độ thông tin báo cáo HĐQT.....	25
Điều 35. Hiệu lực thi hành .....	26

Số: 510/2026/QC-HĐQT

Hà Nội, ngày 12 tháng 05 năm 2026

**QUY CHẾ VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2024, Luật sửa đổi, bổ sung Luật các Tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019, Luật sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức, hoạt động của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á;
- Căn cứ Nghị quyết số 13 của Đại hội đồng cổ đông thường niên SeABank ngày 22/4/2026;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu biểu quyết lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản ngày 12 tháng 05 năm 2026 về việc thông qua việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Đông Nam Á;
- Xét tình hình thực tế,

Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Đông Nam Á như sau:

**CHƯƠNG I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (“SeABank”) quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, mối quan hệ công tác, quy trình giải quyết công việc, việc kế thừa và đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật các Tổ chức tín dụng, Điều lệ của SeABank và các quy định khác của pháp luật, quy định nội bộ của SeABank có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng và các cá nhân, đơn vị có liên quan trên toàn hệ thống SeABank.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. “**SeABank**” hoặc “**Ngân hàng**” được hiểu là Ngân hàng TMCP Đông Nam Á.
2. “**Quy chế**” được hiểu là Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Đông Nam Á.
3. “**HĐQT**” được hiểu là Hội đồng Quản trị của SeABank.
4. “**Chủ tịch HĐQT**” được hiểu là Chủ tịch HĐQT SeABank.
5. “**Thành viên HĐQT**” được hiểu là Thành viên HĐQT SeABank.
6. “**Hệ thống SeABank**” được hiểu là SeABank, các đơn vị sự nghiệp, các đơn vị trực thuộc và các Công ty con, Công ty liên kết của SeABank.
7. “**Người quản lý của SeABank**” bao gồm Chủ tịch và thành viên khác của HĐQT, Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ của SeABank<sup>1</sup>.
8. “**Người điều hành của SeABank**” bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của SeABank<sup>2</sup>.
9. “**Công ty con**” là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây<sup>3</sup>:
  - a. SeABank hoặc SeABank và người có liên quan của SeABank sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% vốn cổ phần có quyền biểu quyết của công ty đó;
  - b. SeABank có quyền bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên HĐQT, Hội đồng thành viên hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty đó;
  - c. SeABank có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó;
  - d. SeABank hoặc SeABank và người có liên quan của SeABank trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, Hội đồng thành viên của công ty đó.
10. “**Công ty liên kết của SeABank**” là công ty mà SeABank hoặc SeABank và người có liên quan của SeABank sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc trên 11% số cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là Công ty con của SeABank<sup>4</sup>.
11. “**Cổ đông lớn**” là cổ đông sở hữu từ 05% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của SEABANK, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp<sup>5</sup>.
12. “**Người có liên quan**” là các cá nhân, tổ chức được xác định theo khoản 24 Điều 4 Luật các TCTD 2024 và các quy định pháp luật khác có liên quan.
13. “**NHNN**” được hiểu là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
14. “**Luật các Tổ chức tín dụng**” (hoặc “**Luật các TCTD 2024**”) có nghĩa là:
  - a) Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18 tháng 01 năm 2024;
  - b) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 43/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2024;

<sup>1</sup> Khoản 26 Điều 4 Luật các TCTD 2024.

<sup>2</sup> Khoản 25 Điều 4 Luật các TCTD năm 2024.

<sup>3</sup> Khoản 9 Điều 4 Luật các TCTD 2024.

<sup>4</sup> Khoản 11 Điều 4 Luật các TCTD 2024, Khoản 44 Điều 1 Điều lệ SeABank

<sup>5</sup> Khoản 8 Điều 4 Luật các TCTD 2024.

- c) Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật các Tổ chức tín dụng số 96/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 27/6/2025;
  - d) Và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).
15. **“Luật Doanh nghiệp”** (hoặc **“Luật doanh nghiệp 2020”** hoặc **“Luật DN 2020”**) có nghĩa là:
- a) Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
  - b) Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022;
  - c) Luật số 76/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2025;
  - d) và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).
16. **“Điều lệ của SeABank”** (hoặc **“Điều lệ”**) được hiểu là Điều lệ tổ chức và hoạt động của SeABank, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua ngày 22 tháng 04 năm 2026, và các Điều lệ sửa đổi, bổ sung theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong từng thời kỳ (nếu có).

### **Điều 3. Cơ cấu tổ chức của HĐQT<sup>6</sup>**

1. HĐQT là cơ quan quản trị của SeABank, có toàn quyền nhân danh SeABank để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của SeABank, trừ những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát của SeABank.
2. Nhiệm kỳ của HĐQT không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
3. HĐQT SeABank có tối thiểu 05 thành viên và không quá 11 thành viên. Số lượng thành viên HĐQT từng nhiệm kỳ do ĐHCĐ quyết định. HĐQT phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập, hai phần ba tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành của Ngân hàng.
4. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia HĐQT, nhưng không được vượt quá 02 thành viên HĐQT.
5. Cơ cấu của HĐQT hướng đến sự đa dạng về kiến thức, kinh nghiệm, độ tuổi, giới tính, văn hóa, quan điểm cá nhân và cơ cấu kỹ năng chuyên môn của HĐQT đảm bảo phù hợp với thực tế, đáp ứng nhu cầu quản trị của Ngân hàng trong từng thời kỳ và hướng đến các thông lệ tốt về quản trị công ty của Việt Nam và quốc tế.<sup>7</sup>
6. HĐQT gồm có Chủ tịch HĐQT, các Phó Chủ tịch và các thành viên HĐQT. HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT trong số các thành viên HĐQT. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung, thay thế và đương nhiên mất tư cách của Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên HĐQT phải được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ của SeABank. Trong trường hợp có từ 02 Phó Chủ tịch HĐQT trở lên, HĐQT sẽ bầu một Phó Chủ tịch thứ nhất hoặc một Phó Chủ tịch Thường trực (nếu xét thấy cần thiết).

<sup>6</sup> Điều 50, Khoản 2, 3 Điều 69 Luật các TCTD 2024; Điều 153 và 154 Luật Doanh nghiệp 2020.

<sup>7</sup> Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty của Việt Nam ấn bản năm 2026, Bộ thể điểm quản trị Công ty của ASEAN năm 2024 và các bản cập nhật trong từng thời kỳ.

7. Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT:
  - a) Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT: thực hiện theo quy định tại Điều 67 Điều lệ SeABank và quy định pháp luật có liên quan.
  - b) Khi xem xét, thông qua danh sách nhân sự dự kiến bầu thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT trên cơ sở đề cử, ứng cử của cổ đông, HĐQT có thể tham khảo áp dụng các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo thông lệ, chuẩn mực quốc tế tốt về quản trị công ty và dựa trên trình độ, cam kết, vai trò dự kiến của họ trong HĐQT để đảm bảo tính đa dạng, hiệu quả trong cơ cấu HĐQT theo quy định tại khoản 5 Điều này.
  - c) Thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT đương nhiệm không đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a khoản này được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu.
8. Chủ tịch HĐQT phải là người có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm<sup>8</sup>.
9. Trường hợp cổ đông nước ngoài (bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài) tham gia HĐQT phải có thêm các điều kiện sau, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác<sup>9</sup>:
  - a) Tỷ lệ số người tham gia thành viên HĐQT chỉ được tương ứng với tỷ lệ vốn góp của tất cả các cổ đông nước ngoài tại SeABank;
  - b) Không được giữ chức Chủ tịch HĐQT của SeABank.
10. HĐQT thành lập bộ phận giúp việc theo quy định tại Điều 31 Quy chế này để giúp việc cho HĐQT trong việc thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT. Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động của bộ phận giúp việc do HĐQT quy định.

**Điều 4. Quy định về kế thừa, tuyển chọn, đề cử, ứng cử, bầu thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT<sup>10</sup>**

1. HĐQT lập kế hoạch nhân sự kế thừa thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT trên cơ sở đề nghị của TGD hoặc/và UBNS nhằm hạn chế những rủi ro có thể phát sinh từ việc thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT từ nhiệm, đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định pháp luật và/ hoặc Điều lệ Ngân hàng. Theo đó, HĐQT có thể xác định số lượng và danh sách ứng viên tiềm năng đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định pháp luật và quy định của SeABank trong từng thời kỳ cho vị trí thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT từ các nguồn sau:
  - a) Ban Điều hành của Ngân hàng (bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc các Khối Phòng/Ban/Đơn vị), và/hoặc các cán bộ quản lý khác đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện áp dụng cho thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT và đã có thời gian làm việc tại Ngân hàng tối thiểu 05 năm trở lên, trừ trường hợp có quyết định khác của HĐQT; hoặc
  - b) Theo giới thiệu của các thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT, Tổng Giám đốc hoặc/và từ các tổ chức cung cấp dịch vụ nhân sự chuyên nghiệp khác.
  - c) Theo giới thiệu từ cổ đông/ nhóm cổ đông theo quy định.
2. HĐQT đương nhiệm sẽ giới thiệu các ứng viên trên để các cổ đông/nhóm cổ đông tổ chức đề cử hoặc HĐQT đề cử trong trường hợp cổ đông không đề cử đủ số lượng tối thiểu thành viên HĐQT theo quy định pháp luật.

<sup>8</sup> Khoản 8 Điều 50 Điều lệ SeABank

<sup>9</sup> Khoản 9 Điều 50 Điều lệ SeABank

<sup>10</sup> Điều 73 Điều lệ SeABank

3. Quy trình tuyển chọn, đề cử, ứng cử thành viên HĐQT<sup>11</sup>:
- HĐQT (1) thông báo cho các cổ đông số lượng thành viên dự kiến được bầu, số lượng thành viên độc lập HĐQT, các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để các cổ đông tự ứng cử hoặc đề cử người giữ các chức danh này theo quy định của Pháp luật và Điều lệ SeABank, (2) và hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ, thời hạn và các nội dung khác liên quan đến việc đề cử, ứng cử cho cổ đông. Số lượng ứng cử viên mà các nhóm cổ đông được quyền đề cử sẽ được xác định theo khoản 7 Điều này.
  - Trên cơ sở danh sách ứng cử hoặc đề cử của các cổ đông, HĐQT thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn; lập và thông qua danh sách dự kiến nhân sự bầu.
  - Trường hợp các cổ đông không ứng cử, đề cử đủ số lượng ứng cử viên đối với thành viên HĐQT (bao gồm cả thành viên độc lập HĐQT), hoặc ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, HĐQT có quyền đề cử bổ sung, thay thế người đủ điều kiện, tiêu chuẩn hoặc tổ chức đề cử các ứng viên còn lại theo trình tự, thủ tục và điều kiện do HĐQT quy định.
  - Đối với nhân sự ứng cử hoặc được đề cử không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định, HĐQT thông báo rõ lý do cho người ứng cử và cổ đông/nhóm cổ đông đề cử nhân sự này.
  - HĐQT lập hồ sơ đề nghị NHNN chấp thuận Danh sách dự kiến nhân sự theo quy định pháp luật.
  - Những người được bầu làm thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT phải thuộc danh sách nhân sự dự kiến đã được NHNN chấp thuận. Việc bầu thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT phải hoàn thành trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày ký trên văn bản chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của NHNN<sup>12</sup>.
  - Kết quả bầu thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT được thông báo cho NHNN trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bầu và công bố thông tin theo quy định.<sup>13</sup>
4. Cách thức bầu thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT: Việc bầu thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu x (nhân) với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo quy định của SeABank trong từng thời kỳ. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy định về bầu cử hoặc Điều lệ SeABank<sup>14</sup>.
5. ĐHCĐ thực hiện bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT dưới hình thức bầu dồn phiếu tại cuộc họp phù hợp với các tiêu chuẩn điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế này và Thẻ lệ bầu cử tại cuộc họp.

<sup>11</sup> Điều 73 Điều lệ SeABank.

<sup>12</sup> Điều 5 Thông tư số 20/2025/TT-NHNN

<sup>13</sup> Điều 44 Luật TCTD 2024

<sup>14</sup> Khoản 3 Điều 148 LDN 2020, Khoản 3 Điều 38 Điều lệ SeABank

6. SeABank sẽ tổ chức bầu bổ sung thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT để đảm bảo đủ số lượng thành viên trong thời hạn **90 ngày** kể từ ngày HĐQT Ngân hàng có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Quy chế này.<sup>15</sup>
7. Các cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên<sup>16</sup> có quyền ứng cử hoặc đề cử các ứng viên tham gia bầu/ bầu bổ sung thành viên HĐQT của SEABANK. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT phải thông báo và thực hiện các thủ tục hợp nhóm đề cử theo đúng thông báo của HĐQT và phải thông báo cho các cổ đông dự họp biết trước khi ĐHĐCĐ khai mạc. Trừ trường hợp HĐQT quyết định khác, số lượng ứng cử viên mà các nhóm có quyền đề cử sẽ được xác định như sau:
  - a) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 05% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được tự ứng cử hoặc đề cử tối đa một ứng cử viên;
  - b) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên;
  - c) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên;
  - d) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng cử viên;
  - e) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm ứng cử viên;
  - f) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu ứng cử viên;
  - g) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy ứng cử viên;
  - h) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám ứng cử viên.
8. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, SeABank thực hiện công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên website SeABank để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, đảm bảo tính trung thực, chính xác của các thông tin được công bố. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:
  - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
  - b) Trình độ chuyên môn;
  - c) Quá trình công tác;
  - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);
  - e) Lợi ích có liên quan tới SeABank và các bên có liên quan của SeABank;
  - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ SeABank.

#### **Điều 5. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT<sup>17</sup>**

1. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể, kết hợp với sự quản lý, phân công và điều phối của Chủ tịch HĐQT và/hoặc Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT (nếu có), tùy thuộc vào cơ chế phân công công việc.

<sup>15</sup> Khoản 2 Điều 50 Luật các TCTD năm 2024

<sup>16</sup> Khoản 2 Điều 35 Điều lệ SeABank

<sup>17</sup> Điều 2 Mẫu Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

2. Các thành viên của HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HĐQT đã được thông qua.
3. Nghị quyết, Quyết định của HĐQT có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết, quyết định đó và tính chất bắt buộc thi hành đối với tất cả các đơn vị và cá nhân trong toàn Hệ thống SeABank.
4. Tất cả các hoạt động của HĐQT, các thành viên HĐQT và bộ máy giúp việc HĐQT phải bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ của SeABank và bảo đảm lợi ích của SeABank.
5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT<sup>18</sup>:
  - a) Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người đứng đầu các Đơn vị trực thuộc SeABank cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và của đơn vị trong Ngân hàng.
  - b) Người được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng Quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin thực hiện theo quy định của Ngân hàng.

## CHƯƠNG II

### NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT<sup>19</sup>

1. Trình ĐHĐCĐ quyết định, thông qua nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của ĐHĐCĐ quy định tại Điều lệ SeABank.
2. Quyết định việc thành lập chi nhánh, Văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của SEABANK.
3. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của SeABank.
4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT và các chức danh Phó Chủ tịch HĐQT (nếu có) và bổ nhiệm Người phụ trách Quản trị Công ty/ Thư ký Công ty/ Thư ký Quản trị Công ty của Ngân hàng theo quy định;<sup>20</sup>
5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác và ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng<sup>21</sup> đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và người điều hành khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của HĐQT SeABank;
6. Cử người đại diện phần vốn góp hoặc đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông tại doanh nghiệp, TCTD khác; quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.
7. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của SeABank tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị **dưới 20% vốn điều lệ** của

<sup>18</sup> Điều 159 Luật Doanh nghiệp 2020.

<sup>19</sup> Điều 70 Luật các TCTD 2024; Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 278 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; Khoản 2 Điều 41 Nghị định số 135/2025/NĐ-CP; Điều 51 Điều lệ SeABank.

<sup>20</sup> Điều 153 Luật DN; Điều 278 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

<sup>21</sup> Điểm i khoản 2 Điều 153 LDN 2020.

SeABank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ SeABank.

8. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của SeABank mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định **có giá trị từ 10% vốn điều lệ** trở lên của SeABank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ SeABank, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;
9. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 136 Luật các TCTD, trừ hợp đồng, các giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.
10. Thông qua các hợp đồng, giao dịch khác **có giá trị dưới 20% vốn điều lệ** của SeABank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ SeABank giữa SeABank với:
  - a) Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của SeABank, người có liên quan của người quản lý, thành viên BKS, cổ đông lớn của SeABank.
  - b) Công ty con, công ty liên kết của SeABank.
11. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác **có giá trị từ 10% vốn điều lệ** trở lên của SeABank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ SeABank;
12. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; định kỳ hàng năm đánh giá về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc.
13. Ban hành quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của SeABank phù hợp với các quy định tại Luật các TCTD và quy định pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
14. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của SeABank.
15. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên của SeABank.
16. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; và quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.
17. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của SeABank.
18. Quyết định mua lại cổ phần của SeABank theo phương án được duyệt và quy định có liên quan.
19. Quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
20. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
21. Thông báo kịp thời cho NHNN thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc.
22. Việc chỉ định và bãi miễn những người có quyền đại diện thương mại hay đại diện pháp lý của SeABank.
23. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Ngân hàng.
24. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ sở hữu, thành viên góp vốn/cổ đông tại Công ty con, Công ty liên kết do SeABank thành lập hoặc góp vốn thành lập.

25. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát các hoạt động tài chính của SeABank trong phạm vi thẩm quyền theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan;<sup>22</sup>
26. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc của SeABank, người đại diện phần vốn góp của SeABank tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác trong việc sử dụng, bảo toàn, phát triển vốn, tổ chức thực hiện kinh doanh theo kế hoạch, phương án đã được phê duyệt, thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước;<sup>23</sup>
27. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
28. Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
29. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của SeABank<sup>24</sup>.
30. Thực hiện các công việc liên quan đến Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:
  - a) Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan, trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 1 Điều 38 Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật, trừ những nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.
  - b) Thông qua chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp, hình thức họp và phương thức biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông.
  - c) Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
  - d) Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ.
  - e) Thực hiện các công việc hoặc giao dịch khác được ĐHĐCĐ giao hoặc/và ủy quyền.
31. Thực hiện các công việc liên quan đến hoạt động của HĐQT bao gồm:
  - a) Thông qua chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
  - b) Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
  - c) Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.<sup>25</sup>
32. Thực hiện các công việc liên quan đến Tổng Giám đốc, gồm:
  - a) Phê duyệt kế hoạch kinh doanh hàng năm do Tổng Giám đốc đề nghị.
  - b) Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật hoặc/và được phân công, phân cấp thẩm quyền, ủy quyền thực hiện.
  - c) Định kỳ hàng năm đánh giá hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc.
  - d) Thực hiện giám sát của quản lý cấp cao đối với Tổng Giám đốc theo quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của SeABank và pháp luật có liên quan.
33. Ban hành các văn bản, quy định nội bộ của SeABank:

<sup>22</sup> Khoản 2 Điều 41 Nghị định số 135/2025/NĐ-CP.

<sup>23</sup> Khoản 2 Điều 41 Nghị định số 135/2025/NĐ-CP.

<sup>24</sup> Điều 278 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

<sup>25</sup> Điều 278 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

- a) Ban hành các Quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của SeABank phù hợp với các quy định tại Điều lệ của SeABank và pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, Ban Kiểm soát.
  - b) Xây dựng Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi ban hành<sup>26</sup>.
  - c) Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của SEABANK.
  - d) Các quy định nội bộ khác thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định của SeABank và pháp luật có liên quan trong từng thời kỳ.
34. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác ngoài thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, hoặc/và giao và ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật.

### CHƯƠNG III

#### TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN BẦU, BỔ NHIỆM, BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

##### **Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Thành viên HĐQT**

Thành viên HĐQT phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

1. Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều lệ SeABank<sup>27</sup> và pháp luật có liên quan;
2. Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc NHNN<sup>28</sup>;
3. Có trình độ từ đại học trở lên;
4. Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của các tổ chức tín dụng; hoặc
5. Có ít nhất 05 năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định áp dụng đối với SeABank theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ; hoặc
6. Có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

##### **Điều 8. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Thành viên độc lập HĐQT**

1. Thành viên độc lập của HĐQT phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 7 Quy chế này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
  - a) Không phải là người đang làm việc cho chính SeABank hoặc công ty con của SeABank hoặc đã làm việc cho chính SeABank hoặc công ty con của SeABank trong 03 năm liền kề trước đó;
  - b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của SeABank ngoài những khoản thù lao của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;
  - c) Không phải là người có vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột và vợ, chồng của những người này là Cổ đông lớn

<sup>26</sup> Khoản 6 Điều 278 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP

<sup>27</sup> Khoản 0 **Error! Reference source not found.** Điều lệ SeABank

<sup>28</sup> Điều 6 Thông tư 20/2025/TT-NHNN ngày 31/7/2025 hướng dẫn về hồ sơ, thủ tục chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức tín dụng phi ngân hàng và các văn bản thay thế/ sửa đổi/ bổ sung từng thời kỳ.

- của SeABank, hoặc là người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của SeABank hoặc công ty con của SeABank;
- d) Không đại diện sở hữu cổ phần của SeABank; không cùng người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của SeABank;
  - e) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của SeABank tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó.
  - f) Các điều kiện, tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật liên quan.
2. Thành viên độc lập HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. HĐQT phải thông báo trường hợp thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp ĐHCĐ gần nhất hoặc triệu tập họp ĐHCĐ để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập HĐQT đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập HĐQT có liên quan.

### **Điều 9. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ**

Những người sau đây không được là thành viên HĐQT của SeABank:

1. Người thuộc đối tượng sau đây:
  - a) Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;
  - c) Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
  - d) Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích;
  - e) Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên; trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại tổ chức tín dụng hoặc được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát tổ chức tín dụng theo yêu cầu nhiệm vụ.
  - f) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp; công nhân công an trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại tổ chức tín dụng;
  - g) Không đảm bảo tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp, năng lực điều hành và trình độ chuyên môn theo quy định của NHNN;
  - h) Các trường hợp khác theo quy định của SeABank trong từng thời kỳ.
2. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
3. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Chủ tịch và các thành viên HĐQT, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc (Giám

đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là TCTD bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ;

4. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch HĐQT, thành viên khác của HĐQT; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng Ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng Giám đốc của tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;
5. Người có liên quan của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc của SeABank, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 3 Quy chế này.
6. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng;

#### **Điều 10. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ**

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị của SeABank không được đồng thời là người điều hành, thành viên BKS của SeABank và của tổ chức tín dụng khác, và không được đồng thời là người quản lý của doanh nghiệp khác.
2. Thành viên HĐQT không phải là thành viên độc lập không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
  - a) Người điều hành của SeABank, trừ trường hợp là Tổng Giám đốc của SeABank;
  - b) Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của SeABank;
  - c) Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.
3. Thành viên độc lập HĐQT của SeABank không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
  - a) Người điều hành của SeABank;
  - b) Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác;
  - c) Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.
4. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật có liên quan.

#### **Điều 11. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT**

1. Đương nhiên mất tư cách của thành viên HĐQT thực hiện theo Điều 75 Điều lệ của SeABank.
2. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT thực hiện theo Điều 76 Điều lệ của SeABank.

#### **Điều 12. Thay thế và bổ sung thành viên HĐQT<sup>29</sup>**

1. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa

<sup>29</sup> Điều 156 Luật doanh nghiệp 2020

vụ của Chủ tịch HĐQT, phù hợp với quy định của SeABank trong từng thời kỳ. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số cho đến khi có quyết định mới của HĐQT<sup>30</sup>.

2. Trường hợp Chủ tịch HĐQT bị đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT thì Phó Chủ tịch thứ nhất hoặc Phó Chủ tịch Thường trực hoặc một Phó Chủ tịch (trong trường hợp không có Phó Chủ tịch thứ nhất, Phó Chủ tịch Thường trực) tạm thời điều hành công việc của HĐQT. Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày Chủ tịch HĐQT bị đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT, các thành viên HĐQT có trách nhiệm tổ chức họp HĐQT để bầu một trong các Phó Chủ tịch hoặc một thành viên HĐQT (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Chủ tịch HĐQT.
3. Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT muốn thôi đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch phải có đơn gửi đến HĐQT. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn, HĐQT phải tổ chức họp để xem xét, quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT theo quy định hiện hành.
4. Thành viên HĐQT muốn thôi đảm nhiệm chức vụ thành viên HĐQT phải có đơn hoặc văn bản gửi HĐQT để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
5. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên HĐQT mới để thay thế cho thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.
6. Những người được bầu giữ chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên HĐQT có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên HĐQT mới được bầu xử lý; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian đảm nhiệm chức danh đó.

#### CHƯƠNG IV

#### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### **Điều 13. Quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT<sup>31</sup>**

Chủ tịch HĐQT có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:

1. Lập chương trình công tác, kế hoạch hoạt động của HĐQT để trình HĐQT thông qua; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
2. Thay mặt HĐQT ký các văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT.
3. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT
4. Giám sát, tổ chức giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
5. Làm chủ tọa cuộc họp ĐHCĐ;

<sup>30</sup> Khoản 4 Điều 156 Luật doanh nghiệp 2020, Khoản 2 Điều 52 Điều lệ SeABank

<sup>31</sup> Điều 71 Luật các Tổ chức tín dụng 2024, khoản 3 Điều 52 Điều lệ SeABank

6. Bảo đảm thành viên HĐQT nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà HĐQT phải xem xét
7. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên HĐQT thực hiện công tác quản trị Ngân hàng
8. Giám sát thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ và nhiệm vụ được phân công.
9. Chuẩn bị nội dung, chương trình và tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa các cuộc họp của HĐQT để thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT.
10. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của HĐQT thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.
11. Định kỳ hàng năm, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên HĐQT, các Ủy ban/Hội đồng/Ban trực thuộc HĐQT và báo cáo ĐHCĐ về kết quả đánh giá này;
12. Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của SeABank.

**Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Chủ tịch HĐQT**

1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn do Chủ tịch phân công.
2. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác của thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ SeABank và Quy chế này.

**Điều 15. Quyền và Nghĩa vụ của Thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT<sup>32</sup>**

1. Thành viên HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a) Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật, của NHNN, Điều lệ SeABank, quy chế nội bộ của Hội đồng Quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Quản trị một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của SeABank và cổ đông;
  - b) Xem xét báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình, làm rõ các vấn đề có liên quan đến báo cáo;
  - c) Đề nghị Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT bất thường theo quy định;
  - d) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT; thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các quy định nội bộ có liên quan. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước ĐHCĐ và trước HĐQT về quyết định của mình;
  - e) Trường hợp nội dung biểu quyết có xung đột lợi ích hoặc có liên quan tới lợi ích của thành viên nào thì thành viên đó không được tham gia biểu quyết.
  - f) Thành viên HĐQT không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp HĐQT để quyết định nội dung quy định tại các khoản 1, 4, 5, 6, 8, 9, 10, 12, 14, 15, 19 Điều 51 Điều lệ SeABank.
  - g) Tham gia các Ủy ban/ Tiểu Ủy ban/ Hội đồng theo phân công, giao nhiệm vụ của HĐQT;
  - h) Thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHCĐ, HĐQT;

<sup>32</sup> Điều 72 Luật các TCTD 2024; Khoản 5,6 Điều 52 Điều lệ SeABank

- i) Giải trình trước ĐHĐCĐ, HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu;
  - j) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT;
  - k) Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng, kế hoạch hoạt động kinh doanh của SEABANK trong từng thời kỳ;
  - l) Báo cáo kịp thời và đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao mà thành viên HĐQT nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
  - m) Báo cáo Hội đồng Quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa SeABank, công ty con, công ty khác do SeABank nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng Quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa SeABank với công ty trong đó thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
  - n) Báo cáo, thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của SEABANK theo quy định của pháp luật;
  - o) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho SeABank về quyền lợi có thể gây xung đột mà mình có được ở các tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột lợi ích với SeABank và chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi HĐQT đã xem xét và chấp thuận.
  - p) Không được cạnh tranh bất hợp pháp với SeABank hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của SeABank.
  - q) Không được tạo điều kiện để cá nhân mình hoặc người có liên quan của mình theo quy định tại Điều lệ vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng khác của SeABank với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của SeABank.
  - r) Không được tăng thù lao hoặc yêu cầu trả thưởng khi SeABank bị lỗ.
  - s) Trung thành với lợi ích của SeABank và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của SeABank, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của SeABank để thu lợi cá nhân phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc làm tổn hại tới lợi ích của SeABank và các cổ đông.
  - t) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của SeABank.
2. Thành viên độc lập HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a) Từng thành viên HĐQT độc lập lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật chứng khoán.
  - b) Thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn do Chủ tịch phân công và các quyền hạn, nhiệm vụ khác của thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ SeABank và Quy chế này.

**CHƯƠNG IV****CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
VÀ LẤY Ý KIẾN THÀNH VIÊN HĐQT BẰNG VĂN BẢN****Điều 16. Quy định về cuộc họp đầu tiên của HĐQT<sup>33</sup>**

Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

**Điều 17. Quy định về họp và các hình thức họp của HĐQT<sup>34</sup>**

1. Hội đồng Quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a) Có đề nghị của BKS hoặc thành viên độc lập HĐQT;
  - b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Người quản lý khác;
  - c) Có đề nghị của ít nhất hai thành viên HĐQT;
  - d) Các trường hợp khác do Điều lệ SeABank quy định.

Đề nghị họp HĐQT phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT. Người có thẩm quyền triệu tập họp HĐQT có quyền từ chối đề nghị nêu trên nếu vấn đề cần thảo luận và quyết định không thuộc thẩm quyền của HĐQT.

**Điều 18. Địa điểm họp**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Điều 17 Quy chế này.

Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành tại địa chỉ trụ sở chính của SeABank hoặc địa điểm khác theo quyết định của Chủ tịch HĐQT.

**Điều 19. Thông báo, Chương trình và tài liệu họp HĐQT<sup>35</sup>**

1. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất (05) năm ngày làm việc trước ngày dự kiến họp. Thông báo về cuộc họp HĐQT được lập thành văn bản bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài (tùy theo khả năng cho phép), trong đó phải xác định cụ thể về thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
2. Thông báo mời họp Hội đồng Quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ SeABank quy định, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc, email hoặc phương thức liên lạc khác của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại SeABank.
3. Đối với các trường hợp cần họp khẩn cấp để giải quyết các vấn đề cấp bách, thời hạn thông báo và hình thức thông báo mời họp HĐQT sẽ do Chủ tịch HĐQT quyết định.

<sup>33</sup> Điều 157 Luật doanh nghiệp 2020, Điều 53 Điều lệ SeABank

<sup>34</sup> Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 53 Điều lệ SeABank

<sup>35</sup> Điều 157 Luật DN, Điều 55 Điều lệ SeABank

4. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với thành viên HĐQT. Các thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết. Các thành viên Ban Tổng Giám đốc, người quản lý, người điều hành hoặc các chuyên gia khác có thể tham dự cuộc họp của HĐQT theo giấy mời của Chủ tịch HĐQT.

#### **Điều 20. Điều kiện tiến hành cuộc họp HĐQT**

1. Cuộc họp HĐQT theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên HĐQT trở lên tham dự (trực tiếp hoặc thành viên HĐQT khác được ủy quyền)<sup>36</sup>. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ SeABank quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa ( $\frac{1}{2}$ ) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp<sup>37</sup>.
2. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên HĐQT có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên HĐQT khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản.
3. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
  - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - b) Ủy quyền cho thành viên khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 2 Điều này, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 15 Quy chế này;
  - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của SeABank trong từng thời kỳ;
  - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, thư điện tử
  - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của SeABank.
4. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một giờ trước khi khai mạc và chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
5. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.

#### **Điều 21. Biểu quyết và thông qua chương trình tại cuộc họp HĐQT<sup>38</sup>**

1. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết về các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT. Thành viên HĐQT không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền cho thành viên khác dự họp theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, Quy chế này hoặc thực hiện gửi văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Quy chế này.
2. Nghị quyết của HĐQT được thông qua nếu được **đa số** thành viên HĐQT dự họp tán thành, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt).

<sup>36</sup> Khoản 8 Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020

<sup>37</sup> Khoản 8 Điều 157 Luật DN 2020

<sup>38</sup> Điều 56 Điều lệ SeABank

3. Thành viên HĐQT có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra HĐQT quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên HĐQT khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
4. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên HĐQT và những nghi ngờ đó không được thành viên HĐQT đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên HĐQT có liên quan đó chưa được biết rõ.
5. Bất kỳ thành viên HĐQT nào có liên quan đến một bên trong hợp đồng, giao dịch được nêu tại Khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp 2020 sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng, giao dịch đó.

## **Điều 22. Công khai lợi ích có liên quan<sup>39</sup>**

1. Việc công khai lợi ích và người có liên quan của SeABank thực hiện theo quy định sau đây:

Thành viên Hội đồng Quản trị của SeABank phải kê khai cho SeABank về các lợi ích liên quan của mình theo quy định tại Luật các TCTD và Luật Doanh nghiệp, bao gồm:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;
  - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc);
  - c) Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;
  - d) Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.
2. Trong trường hợp thành viên HĐQT là cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của SeABank phải cung cấp cho SeABank các thông tin sau đây:
    - a) Họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp của cổ đông là người nước ngoài; số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương của cổ đông là tổ chức; ngày cấp, nơi cấp của giấy tờ này;
    - b) Thông tin về người có liên quan theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;
    - c) Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình tại SeABank;
    - d) Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của người có liên quan của mình tại SeABank.
  3. Thành viên HĐQT phải gửi SeABank bằng văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.

<sup>39</sup> Điều 49 Luật các TCTD 2024; Điều 164 LDN 2020, Điều 77 Điều lệ SeABank

4. Đối với thông tin tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này, cổ đông chỉ phải cung cấp thông tin cho SeABank khi có mức thay đổi về tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình và người có liên quan từ 01% vốn điều lệ trở lên của SeABank so với lần cung cấp liền trước.
5. SeABank phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại khoản 1 Điều này tại trụ sở chính của SeABank, báo cáo NHNN theo quy định và định kỳ hằng năm, SeABank công bố thông tin tại khoản 1 Điều này với ĐHĐCĐ.
6. SeABank phải công bố công khai thông tin về họ và tên cá nhân, tên tổ chức là cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của SeABank và thông tin quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này trên trang thông tin điện tử của SeABank thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày SeABank nhận được thông tin cung cấp.
7. SeABank phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của SeABank theo quy định của LDN 2020 và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Ngân hàng.
8. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan theo quy định tại Khoản 1, khoản 2 và Khoản 6 Điều này được thực hiện theo quy định của LDN 2020, quy định của NHNN và quy định nội bộ của SeABank trong từng thời kỳ.
9. Thành viên HĐQT nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của SeABank đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT, BKS và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về SeABank.
10. Thành viên HĐQT nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thoả thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thoả thuận dự kiến giao kết với SeABank phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp HĐQT, tại đây HĐQT sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thoả thuận đó không. Nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo tại cuộc họp HĐQT đầu tiên sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.

**Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản<sup>40</sup>**

1. Chủ tịch HĐQT quyết định việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản.
2. Thư ký Công ty/Người phụ trách Quản trị Công ty/ Bộ phận giúp việc của HĐQT chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng bưu điện, thư điện tử hoặc phương thức điện tử khác và bảo đảm đến được từng thành viên HĐQT.
3. Trường hợp HĐQT lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với quyết định được thông qua bởi các thành viên HĐQT tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ, nếu:
  - a) Đa số các thành viên HĐQT biểu quyết tán thành đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT uỷ quyền (trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt).

<sup>40</sup> Điều 58 Điều lệ SeABank

- b) Số lượng thành viên HĐQT có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp HĐQT.
4. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b) Mục đích lấy ý kiến;
  - c) Họ, tên, chức vụ của thành viên HĐQT;
  - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
  - e) Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành/ đồng ý, không tán thành/ không đồng ý và không có ý kiến;
  - f) Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về SeABank;
  - g) Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.
5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên HĐQT và gửi về SeABank theo quy định của SeABank, trừ trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản dưới hình thức thức điện tử hoặc/và theo hình thức điện tử khác.
6. Cách thức bỏ phiếu của các thành viên HĐQT:
  - a) Trường hợp Phiếu lấy ý kiến được gửi trực tiếp tới địa chỉ liên lạc của các thành viên HĐQT: Các thành viên HĐQT biểu quyết thông qua việc ký vào Phiếu lấy ý kiến và gửi theo yêu cầu tại Phiếu lấy ý kiến. Nếu quá thời hạn đề nghị gửi lại theo quy định thì Phiếu lấy ý kiến đó được coi như các thành viên không có ý kiến.
  - b) Trường hợp Phiếu lấy ý kiến được gửi qua thư điện tử hoặc phương thức điện tử khác: Các thành viên HĐQT biểu quyết trực tiếp qua thư điện tử hoặc phương tiện điện tử khác. Ý kiến biểu quyết được gửi từ thư điện tử hoặc phương tiện điện tử khác của thành viên HĐQT sẽ được coi là ý kiến biểu quyết chính thức và có hiệu lực của thành viên HĐQT đó. Ý kiến biểu quyết qua thư điện tử hoặc phương tiện điện tử khác trong trường hợp này có giá trị pháp lý tương đương như việc biểu quyết trên văn bản có chữ ký của thành viên HĐQT.
7. Thư ký Công ty/ Người phụ trách Quản trị Công ty/ Bộ phận giúp việc của HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên độc lập HĐQT (hoặc 02 thành viên HĐQT) và tối thiểu một thành viên Ban kiểm soát. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;
  - c) Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên HĐQT đã tham gia biểu quyết;
  - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;
  - e) Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát.
8. Thư ký Công ty/ Người phụ trách Quản trị Công ty/ Bộ phận giúp việc của HĐQT tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

9. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của HĐQT thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên HĐQT trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
10. Phiếu lấy ý kiến/ các thư điện tử/ Phiếu biểu quyết điện tử đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của SeABank.

**Điều 24. Biên bản họp HĐQT<sup>41</sup>**

1. Các cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp HĐQT phải được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài.
2. Biên bản họp phải có những nội dung chính như sau:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
  - b) Thời gian, địa điểm họp.
  - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp.
  - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do.
  - e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.
  - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.
  - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
  - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.
  - i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa, các thành viên HĐQT tham dự họp và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.
3. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 2 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với SeABank do từ chối ký biên bản họp theo quy định tại Điều lệ và pháp luật có liên quan.
4. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của nội dung Biên bản họp HĐQT. Chủ tọa cuộc họp HĐQT có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản cuộc họp của HĐQT cho các thành viên HĐQT và những biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi Biên bản.
5. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của SeABank.
6. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.

<sup>41</sup> Điều 158 Luật Doanh nghiệp 2020; Điều 57 Điều lệ SeABank

7. Ý kiến thảo luận (ý kiến thống nhất và không thống nhất) và kết luận về hệ thống kiểm soát nội bộ trong cuộc họp của HĐQT được ghi lại bằng văn bản.

**Điều 25. Thành phần dự họp HĐQT**

1. Trưởng Ban kiểm soát tham dự cuộc họp HĐQT, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết<sup>42</sup>.
2. Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý, chuyên gia khác có thể được mời tham dự họp HĐQT, được quyền phát biểu nhưng không được tham gia biểu quyết.
3. Khách mời hoặc người có liên quan chỉ được mời tham dự cuộc họp của HĐQT khi có sự đồng ý bằng văn bản hoặc giấy mời của Chủ tịch HĐQT.

**Điều 26. Cuộc họp HĐQT theo các hình thức trực tuyến**

1. Các thành viên HĐQT có thể tham gia họp và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc các hình thức tương tự khác. Việc họp trực tuyến cần đảm bảo : (i) mỗi thành viên họp đều có thể nghe thấy thành viên HĐQT khác tham gia phát biểu tại cuộc họp (ii) phát biểu ý kiến với các thành viên HĐQT khác.
2. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là có mặt tại cuộc họp đó. Địa điểm họp trực tuyến là địa điểm Chủ tọa có mặt hoặc địa điểm tập trung các thành viên HĐQT đồng nhất.
3. Nghị quyết/quyết định của HĐQT trong trường hợp này sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp. Thư ký Công ty/Người phụ trách Quản trị Công ty/Bộ phận giúp việc của HĐQT hoàn thiện Biên bản họp HĐQT ngay sau khi kết thúc cuộc họp HĐQT.

**Điều 27. Hiệu lực của các quyết định, nghị quyết của HĐQT**

1. Nếu Điều lệ SeABank không quy định khác, nghị quyết, quyết định của HĐQT có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết, quyết định đó.
2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông, thành viên HĐQT yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện đối với nghị quyết, quyết định đã được thông qua thì nghị quyết, quyết định bị khởi kiện vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác.

**CHƯƠNG V****MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****Điều 28. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng Quản trị**

1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được giao nhiệm vụ, hoặc/ và phân công, phân cấp thẩm quyền.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT hoặc/và Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế này.
3. Trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành

<sup>42</sup> Khoản 5 Điều 53 Luật các TCTD 2024

văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT/Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT về việc bàn giao đó.

**Điều 29. Mọi quan hệ với Ban Tổng Giám đốc**

Với vai trò quản trị, HĐQT ban hành các nghị quyết/quyết định để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, HĐQT kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết/quyết định.

**Điều 30. Mọi quan hệ với Ban Kiểm soát**

1. Mọi quan hệ giữa HĐQT và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa HĐQT với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

**CHƯƠNG VI****CÁC QUY ĐỊNH KHÁC****Điều 31. Bộ phận giúp việc của HĐQT<sup>43</sup>**

1. HĐQT sử dụng Bộ phận giúp việc và con dấu của SeABank để thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ của mình.
2. HĐQT có thể bổ nhiệm các chuyên gia/trợ lý giúp việc chuyên trách và quy định cụ thể số lượng và các nhiệm vụ của mỗi chuyên gia/trợ lý giúp việc.
3. HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Ngân hàng để hỗ trợ hoạt động quản trị Ngân hàng được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị Ngân hàng phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện và có các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật và quy định của SeABank có liên quan. Người phụ trách Quản trị Ngân hàng có thể kiêm nhiệm Thư ký Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020.
4. HĐQT phải thành lập các Ủy ban để giúp HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có 02 Ủy ban, bao gồm Ủy ban nhân sự và Ủy ban Quản lý rủi ro. HĐQT quy định việc thành lập, giải thể, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế hoạt động, ra quyết định của các Ủy ban và/hoặc cơ quan trực thuộc HĐQT, phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật và quy định của SeABank trong từng thời kỳ.
5. Hội đồng Quản trị có thể thành lập Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng Quản trị. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên.
6. Hội đồng Quản trị có thể thành lập Ủy ban Môi trường – Xã hội – Quản trị (ESG) là cơ quan chuyên môn trực thuộc HĐQT, tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong việc xây dựng, thực thi chiến lược về ESG của Ngân hàng.

**Điều 32. Trình báo cáo hằng năm<sup>44</sup>**

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng Quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
  - a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Ngân hàng;

<sup>43</sup>Khoản 4, 5 Điều 50 Luật các TCTD 2024, Điều 59 Điều lệ SeABank

<sup>44</sup> Điều 175 Luật Doanh nghiệp 2020

- b) Báo cáo tài chính;
  - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Ngân hàng;
  - d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
2. Báo cáo tài chính hằng năm của SEABANK phải được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.
  3. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ không có quy định khác.
  4. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này và báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Ngân hàng không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của SeABank liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

**Điều 33. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị<sup>45</sup>**

1. SeABank trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng Quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Trường hợp Điều lệ SeABank không có quy định khác thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị được trả theo quy định sau đây:
  - a) Thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng Quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;
  - b) Thành viên Hội đồng Quản trị được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao;
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

**Điều 34. Chế độ thông tin báo cáo HĐQT**

1. Nơi tiếp nhận các thông tin, báo cáo, thư từ của HĐQT là Bộ phận giúp việc của HĐQT, trừ các thông tin, báo cáo, thư từ ghi đích danh cá nhân thành viên HĐQT.
2. Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc được giao nhiệm vụ hoặc phân công công việc có trách nhiệm gửi báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động của SeABank theo yêu cầu công tác quản trị của HĐQT. Văn phòng HĐQT có trách nhiệm sao gửi đến các thành viên HĐQT những thông tin cần thiết khi có yêu cầu.
3. Các thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Người phụ trách các đơn vị trong Ngân hàng cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của SeABank cũng như của từng đơn vị trong SeABank.
4. Tất cả các báo cáo chính thức gửi HĐQT phải có chữ ký và ghi rõ tên của người có trách nhiệm và được bảo quản như tài liệu mật của SeABank.

<sup>45</sup> Điều 163 Luật Doanh nghiệp 2020

5. Các văn bản của Tổng Giám đốc gửi đến các cơ quan quản lý Nhà nước các cấp, các cơ quan thông tin đại chúng theo yêu cầu hợp pháp của các cơ quan đó đều phải đồng thời gửi cho HĐQT, BKS để báo cáo.
6. Các thành viên HĐQT, Bộ phận giúp việc của HĐQT phải tuân thủ việc bảo quản, lưu trữ hồ sơ và bảo vệ thông tin theo quy định của Nhà nước và của SeABank có liên quan trong từng thời kỳ.

**Điều 35. Hiệu lực thi hành**

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11/05/2026 và thay thế Quy chế số 1000/2024/QĐ-HĐQT ngày 08/11/2024 về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị.
2. Thành viên HĐQT được bầu trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Quy chế này, Điều lệ SeABank và quy định pháp luật liên quan thì được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.
3. Trường hợp có sự thay đổi các văn bản quy phạm pháp luật được nêu trong Quy chế này, thì các quy định mới đương nhiên có hiệu lực áp dụng.
4. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này do HĐQT đề xuất và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
5. Chủ tịch HĐQT SeABank hướng dẫn và quy định chi tiết các nội dung trong Quy chế này để thực hiện các nhiệm vụ được giao đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ SeABank và Quy chế này, trừ các nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ, HĐQT.
6. Các thành viên HĐQT, thành viên Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc các Khối/Trung tâm, Trưởng các Phòng/Ban tại Hội sở và Giám đốc các chi nhánh và các đơn vị, cá nhân liên quan của SeABank có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

**Nơi nhận:**

- Ban Kiểm soát;
- Như Khoản 6 Điều 35 (để t/h);
- Lưu VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**LÊ VĂN TÀN**

